CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Crowe Horwath™

Công ty Kiểm toán DTL

Thành viên Crowe Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Anpha (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Anpha, tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Phú Lân, được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào 22 tháng 1 năm 2009.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2010.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 7 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25 tỷ đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên		Chức danh
Ông	Hồ Bửu Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/12/2011)
Ông	Bùi Công Giang	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 15/12/2011)
Ông	Nguyễn Quốc Chính	Phó chủ tịch (từ nhiệm ngày 15/12/2011)
Ông	Thân Ngọc Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/12/2011)
Ông	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/12/2011
Ông	Huỳnh Tấn Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/12/2011
Ông	Đỗ Chí Thiện	Thành viên (từ nhiệm ngày 15/12/2011)

Ông Bùi Công Giang là Tổng Giám Đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này.

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách *phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời* điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BÙI CÔNG GIANG

Crowe Horwath™
Công ty Kiểm toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (848) 3827 5026
Fax: (848) 3827 5027
www.horwathdtl.com
dtlco@horwathdtl.com.vn

Số: 12.345/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gởi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 20 tháng 1 năm 2012 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Anpha (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 18 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Anpha vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	**100**		**12.084.674.809**	**14.917.643.064**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**12.044.123.717**	**11.231.145.795**
1. Tiền mặt tại quỹ	111		11.990.419.916	10.965.463.849
2. Tiền gửi ngân hàng	112		53.703.801	265.681.946
3. Tiền đang chuyển	113			
4. Các khoản tương đương tiền	114			
II. Đầu tư ngắn hạn	**120**			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122			
III. Các khoản phải thu	**130**		**14.151.092**	**1.952.322.549**
1. Phải thu của khách hàng	131			22.000.000
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132			
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Các khoản phải thu khác	134		14.151.092	1.930.322.549
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	135			
IV. Tài sản lưu động khác	**150**		**26.400.000**	**1.734.174.720**
1. Vật liệu, công cụ, dụng cụ	151		26.400.000	35.200.000
2. Tài sản lưu động khác	152			1.698.974.720

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**200**		**2.939.188.029**	**2.952.072.484**
I. Tài sản cố định	**210**		6.544.029	19.428.484
1. Tài sản cố định hữu hình	211	5.2	**6.544.029**	**19.428.484**
- Nguyên giá	212		877.177.939	877.177.939
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(870.633.910)	(857.749.455)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214			
- Nguyên giá	215			
- Giá trị hao mòn lũy kế	216			
3. Tài sản cố định vô hình	217			
- Nguyên giá	218		19.339.080	19.339.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(19.339.080)	(19.339.080)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	**230**		**2.932.644.000**	**2.932.644.000**
1. Đầu tư chứng khoán	231			
2. Đầu tư dài hạn khác	232	5.3	2.932.644.000	2.932.644.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	233			
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**250**			
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262			
3. Tài sản dài hạn khác	263			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**15.023.862.838**	**17.869.715.548**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**7.425.245**	**5.008.789**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**7.425.245**	**5.008.789**
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		7.425.245	5.008.789
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả	315			
6. Phải trả nội bộ	316			
7. Phải trả, phải nộp khác	317			
II. Nợ dài hạn	**340**			
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	341			
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**15.016.437.593**	**17.864.706.759**
I. Nguồn vốn	**410**	5.4.1	**15.016.437.593**	**17.864.706.759**
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	5.4.2	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	412			
3. Lợi nhuận tích lũy	413			
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Quỹ dự trữ	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(9.983.562.407)	(7.135.293.241)
II. Quỹ	**420**			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**15.023.862.838**	**17.869.715.548**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		
4. Ngoại tệ các loại	004		
+ USD		1.702	1.698
5. Chứng khoán theo mệnh giá	005		

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BÙI CÔNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	6.1	589.619.311	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần	10		589.619.311	
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11			
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		589.619.311	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13		7.475.149	1.304.427.756
7. Chi phí tài chính	14			
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	6.2	3.446.624.083	4.302.678.972
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16		(2.849.529.623)	(2.998.251.216)
10. Thu nhập khác	17		1.260.457	
11. Chi phí khác	18			
12. Lợi nhuận khác	19		1.260.457	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20		(2.848.269.166)	(2.998.251.216)
14. Chi phí thuế TNDN	21			
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	*21a*			
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	*21b*			
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	22		(2.848.269.166)	(2.998.251.216)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.4.4	(1.139)	(1.199)

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 4103005789 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

BÙI CÔNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**				
1.	Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01		589.619.311	4.427.756
2.	Tiền thu từ phí tư vấn	02			
3.	Tiền thu từ phí phát hành	03			
4.	Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	04			
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05		18.745.197.677	21.839.613.429
6.	Tiền trả cho người cung cấp	06		(369.261.894)	(324.697.926)
7.	Trả lãi tiền vay	07			
8.	Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08			
9.	Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09		(1.337.103.077)	(4.130.847.138)
10.	Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10			
11.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(16.822.794.682)	(22.096.036.304)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**805.657.335**	**(4.707.540.183)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	31			
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	32			
3.	Tiền đầu tư chứng khoán	33			
4.	Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34			
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35			(544.585.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36			
7.	Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37			
8.	Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38			
9.	Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**40**			**(544.585.000)**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	41			
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	42			
3.	Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	43			
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	44			
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	45			
6.	Tiền trả cổ tức cho cổ đông	46			
7.	Thu tiền khác từ hoạt động tài chính	47			
8.	Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	48		7.320.587	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	**50**		**7.320.587**	
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (30+40+50)	**60**		**812.977.922**	**(5.252.125.183)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**70**	5.1	**11.231.145.795**	**16.483.270.978**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	80			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (60+70+80)	**90**	5.1	**12.044.123.717**	**11.231.145.795**

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI CÔNG GIANG

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư Anpha (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Phú Lân, được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào 22 tháng 1 năm 2009.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào 29 tháng 7 năm 2010.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 7 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25 tỷ đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư.

1.4. Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6 người, trong đó:

- Nhân viên quản lý: 2 người
- Nhân viên khác: 4 người

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề:

STT	*Họ và tên*	*Số giấy phép*	*Ngày cấp*	*Vị trí công tác*
1	Bùi Công Giang	46/QĐ-CCHNQLQ	21/12/2006	Tổng Giám Đốc
2	Vũ Tuấn Khanh	47/QĐ-CCHNQLQ	21/12/2006	Trưởng phòng nghiên cứu và phân tích
3	Đỗ Chí Thiện	45/QĐ-CCHNQLQ	21/12/2006	Trưởng phòng đầu tư
4	Trần Thị Ái Liên	48/QĐ-CCHNQLQ	21/12/2006	Trưởng phòng phân tích

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 62/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳngtrong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
+	Phần mềm kế toán	3 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	11.990.419.916	10.965.463.849
Tiền gửi ngân hàng	53.703.801	265.681.946
Tổng cộng	**12.044.123.717**	**11.231.145.795**

5.2. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thiết bị dụng cụ quản lý	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguyên giá	877.177.939	-	-	877.177.939
Giá trị hao mòn lũy kế	857.749.455	12.884.455	-	870.633.910
Giá trị còn lại	**19.428.484**			**6.544.029**

5.3. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Anpha Capital Advisors Limited	932.644.000	932.644.000
Cộng	**2.932.644.000**	**2.932.644.000**

Đầu tư CTCP Chứng khoán Maritime Bank với số lượng 200.000 cổ phần.

5.4. Vốn chủ sở hữu

5.4.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm trước	**25.000.000.000**	**(4.137.042.025)**	**20.862.957.975**
Lợi nhuận trong năm trước	-	(2.998.251.216)	(2.998.251.216)
Số dư đầu năm nay	**25.000.000.000**	**(7.135.293.241)**	**17.864.706.759**
Lợi nhuận trong năm nay	-	(2.848.269.166)	(2.848.269.166)
Số dư cuối năm nay	**25.000.000.000**	**(9.983.562.407)**	**15.016.437.593**

5.4.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Thân Ngọc Minh	6.250.000.000	25%	-	-
Hồ Bửu Phương	8.750.000.000	35%	-	-
Nguyễn Tiến Thanh	5.000.000.000	20%	-	-
Huỳnh Tấn Hiệp	5.000.000.000	20%	-	-
Ông Bùi Công Giang	-	-	21.400.000.000	85.6%
Công ty TNHH Anpha	-	-	3.500.000.000	14.0%
Ông Trần Anh Tùng	-	-	100.000.000	0.4%
Tổng cộng	**25.000.000.000**	**100%**	**25.000.000.000**	**100%**

Ngày 19/7/2011, các cổ đông cũ đã ký các hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho các cổ đông mới và giao dịch này đã được phê duyệt bởi Ủy ban chứng khoán Nhà Nước theo Quyết định số 904/QD-UBCK ngày 28/11/2011 về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% vốn điều lệ của CTCP Quản lý quỹ đầu tư An pha.

5.4.3. Cổ phần

	Cuối năm	**Đầu năm**
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.4.4. Lỗ cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	**Năm trước**
Lỗ sau thuế của Công ty	(2.848.269.166)	(2.998.251.216)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lỗ cơ bản trên cổ phần (EPS)	**(1.139)**	**(1.199)**

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu hoạt động kinh doanh

Là doanh thu từ hoạt động nhận ủy thác đầu tư phát sinh từ hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty TNHH Anpha – xem thêm mục 7.

6.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.591.314.215	2.614.029.125
Chi phí, vật liệu, dụng cụ	8.800.000	340.421.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.884.455	178.866.232
Thuế, phí, lệ phí	3.518.500	3.000.000
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.505.206.472	126.673.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.109.251	315.697.926
Chi phí bằng tiền khác	121.791.190	723.991.146
Tổng cộng	**3.446.624.083**	**4.302.678.972**

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Ông Bùi Công Giang	Tổng Giám Đốc
2. Công ty TNHH Anpha	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư	589.619.311	-

- Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Lương Tổng Giám đốc	396.000.000	343.634.116

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

- **Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	**31/12/2010**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.044.123.717	11.231.145.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.151.092	1.952.322.549
Đầu tư dài hạn khác	2.932.644.000	2.932.644.000
Tổng cộng	**14.990.918.809**	**16.116.112.344**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	31/12/2011	**31/12/2010**
Đô la Mỹ (USD)	1.702,48	1.697,80

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	**Dưới 1 năm**	**Từ 1- 5 năm**	**Tổng cộng**
Tiền	12.044.123.717	-	12.044.123.717
Phải thu khách khác	14.151.092	-	14.151.092
Đầu tư dài hạn khác	-	2.932.644.000	2.932.644.000
31/12/2010	**Dưới 1 năm**	**Từ 1- 5 năm**	**Tổng cộng**
Tiền	11.231.145.795	-	11.231.145.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.000.0000	-	22.000.0000
Đầu tư	-	2.932.644.000	2.932.644.000

9. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

	Cuối năm	**Đầu năm**
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	19,56%	16,52%
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	80,44%	83,48%
2. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	(483%)	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	(18,97%)	-
3. Tình hình tài chính		
Tỷ lệ nợ phải trả /Tổng tài sản	0,05%	0,02%
Tiền và đầu tư tài chính/ Tổng nợ ngắn hạn	2.290%	2.242%
Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định/ Vốn chủ sở hữu	0,03%	0,09%

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 1 năm 2012.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ANPHA

BÙI CÔNG GIANG